

Họ và tên học sinh:.....; Số báo danh: .....

Mã đề: 111

**PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)**

Đọc văn bản sau

**XUÂN VỀ**

Đã thấy xuân về với gió đông,  
Với trên màu má gái chưa chồng.  
Bên hiên hàng xóm, cô hàng xóm  
Ngước mắt nhìn giời, đôi mắt trong.

Từng đàn con trẻ chạy xun xoe,  
Mưa tạnh giời quang, nắng mới hoe.  
Lá nõn, nhành non ai trắng bạc?  
Gió về từng trận, gió bay đi...

Thong thả, dân gian nghỉ việc đồng,  
Lúa thì con gái mượt như nhung  
Đây vườn hoa bưởi hoa cam rụng,  
Ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng.

Trên đường cát mịn, một đôi cô,  
Yếm đỏ, khăn thâm, trẩy hội chùa.  
Gậy trúc dắt bà già tóc bạc,  
Tay lần tràng hạt miệng nam vô.

1937

Nguyễn Bính

**Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1.** Xác định các phương thức biểu đạt của văn bản?

**Câu 2.** Tìm những từ ngữ, hình ảnh miêu tả con người, mùa xuân.

**Câu 3.** Chỉ ra và nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ có trong hai câu thơ sau:

*Thong thả dân gian nghỉ việc đồng*

*Lúa thì con gái mượt như nhung*

**Câu 4.** Anh/chị hãy nhận xét về tâm hồn, tình cảm của thi sĩ trong bài thơ.

**PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)**

**Câu 1. (2,0 điểm):**

Trong “Thép đã tôi thế đấy”, nhân vật Paven có nói: “Cái quý nhất của con người ta là sự sống. Đời người chỉ sống có một lần. Phải sống sao cho khỏi xót xa, ân hận vì những năm tháng đã sống hoài, sống phí, cho khỏi hổ thẹn vì dĩ vãng ti tiện và hèn đớn của mình, để khi nhắm mắt xuôi tay có thể nói rằng: tất cả đời ta, tất cả sức ta, ta đã hiến dâng cho sự nghiệp cao đẹp nhất trên đời, sự nghiệp đấu tranh giải phóng loài người.”.

Qua câu nói trên, anh/chị hãy trình bày suy nghĩ của mình về lí tưởng sống của thanh niên hiện nay bằng một đoạn văn (khoảng 150 chữ)

**Câu 2. (5,0 điểm):** Cảm nhận của anh (chị) về vẻ đẹp thiên nhiên và con người xứ Huế trong hai khổ thơ đầu bài thơ “Đây thôn Vĩ Dạ” (Hàn Mặc Tử)?

Sao anh không về chơi thôn Vĩ?

Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên

Vườn ai mướt quá xanh như ngọc  
Lá trúc che ngang mặt chữ điền.

Gió theo lối gió, mây đường mây  
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay  
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó  
Có chở trăng về kịp tối nay?

*(Ngữ văn 11, tập hai, NXBGD 2007)*

-----Hết-----

**Học sinh không được sử dụng tài liệu.  
Cán bộ coi kiểm tra không giải thích gì thêm**

“

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
<b>I</b>			<b>ĐỌC HIỂU</b>
	1	- Các phương thức biểu đạt của văn bản: Tự sự, miêu tả, biểu cảm <b>Hướng dẫn chấm:</b> - Học sinh trả lời như đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời không chính xác nội dung thông tin; hoặc không trả lời: không cho điểm.	0,75
	2	- Những từ ngữ, hình ảnh miêu tả con người, mùa xuân là: + Thiên nhiên: gió đông về, mưa tạnh giờ quang, nắng mới hoe, gió về từng trận, hoa bưởi hoa cam rụng. + Con người: dân gian nghỉ việc đồng, yếm đỏ, khăn thâm, trẩy hội chùa. <b>Hướng dẫn chấm:</b> - Học sinh trả lời đúng đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời đúng 1 nội dung: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời không chính xác hoặc không trả lời: không cho điểm	0,75
	3	- Biện pháp tu từ đảo ngữ, ẩn dụ và so sánh. + Đảo ngữ thông thả lên đầu. + Ẩn dụ: Lúa thì con gái ý chỉ lúa vào giai đoạn trở đồng. + So sánh: lúa thì mượt như nhung. - Tác dụng: Miêu tả nét đẹp của đời sống lao động và thiên nhiên khi xuân về + Giúp cho câu thơ giàu sức gợi hình, gợi cảm, hấp dẫn. <b>Hướng dẫn chấm:</b> - Học sinh trả lời như đáp án hoặc có cách diễn đạt khác nhưng vẫn đảm bảo ý: 1,0 điểm. (Chỉ ra được 2/3 biện pháp tu từ GV vẫn cho điểm tối đa) - Học sinh trả lời có được 1/2 số ý: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời được một ý nhưng diễn đạt còn chưa sáng rõ: 0,25 điểm. - Học sinh trả lời không chính xác nội dung hoặc không trả lời: Không cho điểm	1.0
	4	- Bài thơ đã cho thấy sự quan sát tỉ mỉ, cận thận của tác giả với từng cảnh vật, con người và sự thay đổi nó khi xuân về. => Tình cảm của tác giả: yêu mùa xuân, yêu thiên nhiên và yêu con người. <b>Hướng dẫn chấm:</b> - Học sinh nhận xét được đầy đủ: 0,5 điểm - Học sinh nhận xét được 1/2 ý như đáp án: 0,25 điểm - Học sinh trả lời không chính xác nội dung hoặc không trả lời: Không cho điểm Lưu ý: HS bày tỏ suy nghĩ bằng các cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa.	0,5
<b>II</b>			<b>LÀM VĂN</b>
	1	<b>Viết đoạn văn</b> a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành. b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: “lí tưởng sống của thanh niên hiện	
			<b>0,25</b>
			<b>0,25</b>

	<p>nay”.</p> <p><b>c. Triển khai vấn đề nghị luận:</b> Học sinh có thể vận dụng các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách. Có thể trình bày theo hướng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trích dẫn câu nói của nhân vật Pa-ven trong Thép đã tôi thế đấy.</li> <li>- Liên hệ đến vấn đề nghị luận: Lí tưởng sống của thanh niên hiện nay.</li> </ul> <p><b>1. Lí tưởng sống là gì?</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Là mục đích sống của con người.</li> <li>- Nhắc đến lí tưởng sống sẽ nhắc đến thế hệ thanh niên vì họ là những con người trẻ tuổi đang trong quá trình hoàn thiện và phát triển bản thân, là chủ nhân tương lai của đất nước.</li> </ul> <p><b>2. Vai trò của lí tưởng sống</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sống có lí tưởng mục đích rõ ràng sẽ giúp con người không ngừng cố gắng để đạt được nó.</li> <li>- Lí tưởng sống cao đẹp khiến cho con người sống đẹp sống có ý nghĩa hơn.</li> <li>- Một số tấm gương có lí tưởng sống cao đẹp: những chiến sĩ quyết tử cho tổ quốc quyết sinh, sinh viên tiêu biểu của thành phố...</li> <li>- Con người khi không có lí tưởng sống sẽ trở nên mất phương hướng, dễ đi vào con đường sai trái. Lối sống ích kỷ, cá nhân là không tốt.</li> </ul> <p><b>3. Liên hệ bản thân</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được mục đích sống đúng đắn với những dự định về tương lai sẽ đóng góp cho xã hội trên lĩnh vực nào.</li> <li>- Là một học sinh, bản thân em đã xác định được lí tưởng sống cho riêng mình đó là cố gắng học tập tốt, rèn luyện đạo đức...</li> </ul> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữ lí lẽ và dẫn chứng (0,75 điểm).</i></li> <li>- <i>Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,5 điểm).</i></li> <li>- <i>Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm).</i></li> </ul> <p>Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	0,75
	<p><b>d. Chính tả, ngữ pháp</b></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <p>- Không cho điểm nếu bài làm có nhiều hơn 03 lỗi chính tả và ngữ pháp.</p>	0,25
	<p><b>e. Sáng tạo</b></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b> Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về một vấn đề xã hội; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.</li> <li>- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.</li> </ul>	0,5
2	<p>Cảm nhận 2 khổ đầu bài thơ “Đây thôn Vĩ Dạ” của Hàn Mặc Tử</p>	5.0
	<p><b>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</b></p> <p>Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.</p>	0,25
	<p><b>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</b> Cảm nhận 2 khổ đầu bài thơ “Đây thôn Vĩ Dạ” của Hàn Mặc Tử</p> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh xác định đúng vấn đề nghị luận: 0,5 điểm</li> <li>- Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm</li> </ul>	0,5
	<p><b>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành cách luận điểm</b></p>	

	<i>Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng, đảm bảo yêu cầu sau:</i>	
	* <i>Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm (0,25 điểm), vấn đề nghị luận (0,25)</i> - Đôi nét về tác giả Hàn Mặc Tử - Tác phẩm “Đầy thôn Vĩ Dạ”, nội dung khái quát.	0,5
	<i>Phân tích</i> <b>a. Phân tích khổ đầu bài thơ:</b> - Câu hỏi tu từ đầu khổ thơ là câu hỏi mang màu tâm trạng: + Vừa như nhắc nhở, lại vừa như mời mọc, cũng có thể là lời trách móc nhẹ nhàng. + Tác giả đang tự phân thân để hỏi chính lòng mình về một việc đáng ra phải làm bấy lâu: về thăm thôn Vĩ Dạ. - Bức tranh thôn Vĩ êm đềm, thanh bình buổi bình minh: + “Năng hàng cau”: tinh khôi, trong trẻo. + Tính từ “mướt” kết hợp với từ chỉ mức độ “quá”: vẻ đẹp mướt mà, láng bóng, tươi tắn, đầy sức sống của cây cối trong vườn. + Hình ảnh so sánh “xanh như ngọc” gợi lên vẻ đẹp kiều diễm, quý phái của khu vườn. - Hình ảnh người con gái Huế “mặt chữ điền” xuất hiện với nét đẹp duyên dáng mà đầy kín đáo, hài hòa với thiên nhiên. <b>b. Phân tích khổ thứ hai bài thơ:</b> -Bức tranh phong cảnh: + “Gió theo lối gió, mây đường mây”: Phong cảnh có sự vận động, biến chuyển từ cảnh vườn sang sông nước. + Gió, mây vận động theo khuynh hướng chia cắt, chia lìa: “gió theo lối gió”, “mây đường mây”. + Nhân hóa “dòng nước buồn thiu”: nỗi buồn thấm thía vào cảnh vật. + “Lay”: chuyển động nhẹ, gợi ra sự đìu hiu, vắng vẻ của cảnh vật. -Tâm trạng thi nhân: + Thể hiện qua câu hỏi tu từ “Thuyền ai đậu bến sông trăng đó/ Có chờ trăng về kịp tối nay” + Trăng: người bạn tri âm, tri kỉ của nhà thơ, nhất là trong đêm khuya, khi căn bệnh phong giày vò thể xác lẫn tinh thần. + “Kịp”: sự gấp gáp về mặt thời gian. => Nỗi lo lắng, phấp phồng của nhà thơ về sự hiện diện của trăng. => Nỗi cô đơn, lạc lõng của thi nhân, chỉ có trăng làm bạn. <i>Hướng dẫn chấm:</i> - <i>Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,0 - 2,5 điểm.</i> - <i>Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,0 - 1,75 điểm</i> - <i>Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm - 0,75 điểm.</i>	2,5
	* <i>Đánh giá</i> - Hai khổ thơ khắc họa hình ảnh thiên nhiên xứ Huế với vẻ đẹp trong trẻo và vẻ đẹp hư ảo, lãng mạn đồng thời thể hiện tấm lòng yêu thiên nhiên, yêu cuộc đời của nhà thơ. - Về nghệ thuật: sử dụng ngôn ngữ, hình ảnh thơ, các biện pháp tu từ đặc sắc, sáng tạo. <b>Hướng dẫn chấm:</b> - <i>Học sinh đánh giá được 2 ý: 0,5 điểm.</i> - <i>Học sinh đánh giá được 1 ý: 0,25 điểm.</i>	0,5
	<b>d. Chính tả, ngữ pháp</b> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. <b>Hướng dẫn chấm:</b> - <i>Không cho điểm nếu bài làm mắc từ 05 lỗi chính tả, ngữ pháp.</i>	0,25
	<b>e. Sáng tạo</b> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. <b>Hướng dẫn chấm:</b> <i>Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình</i>	0,5

	<i>phân tích, đánh giá; biết so sánh, mở rộng để làm nổi bật nét đặc sắc của truyện ngắn Nguyễn Tuân; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.</i> - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.	
	<b>Tổng điểm</b>	<b>10,0</b>

**GIÁO VIÊN RA ĐỀ**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Nguyễn Thị Hoàn**

-----  
**BAN GIÁM HIỆU DUYỆT**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Lê Văn Mạnh**